

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm, tương đồng với xu hướng hồi phục của TTCK toàn cầu

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VIC, TPB, VRE

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thúc đẩy cổ phần hóa

[Cập nhật công ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể trải lệnh tại các nhịp điều chỉnh trong phiên, mở lại 1 phần trạng thái ngắn hạn nhưng ưu tiên các vị thế T+.

19/05/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 845.92 | +1.06 |
| VN30 | 799.31 | +1.53 |
| HĐTL VN30F1M | 799.50 | +1.46 |
| HNXIndex | 108.83 | +0.27 |
| HNX30 | 212.62 | +0.10 |
| UPCoM | 53.80 | +0.96 |
| USD/VND | 23,311 | -0.12 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.90 | -6 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.94 | -19 |
| Dầu (WTI, \$) | 32.52 | +2.20 |
| Vàng (LME, \$) | 1,737.22 | +0.27 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 845.92 (+1.06%)
KLGD (triệu CP) 294.5 (+35.3%)
GTGD (triệu US\$) 345.9 (+81.7%)

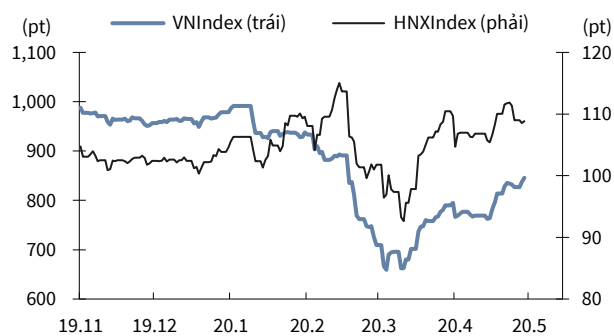
HNXIndex 108.83 (+0.27%)
KLGD (triệu CP) 58.4 (+13.9%)
GTGD (triệu US\$) 24.3 (+27.8%)

UPCoM 53.80 (+0.96%)
KLGD (triệu CP) 20.2 (+43.4%)
GTGD (triệu US\$) 10.8 (+76.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.3

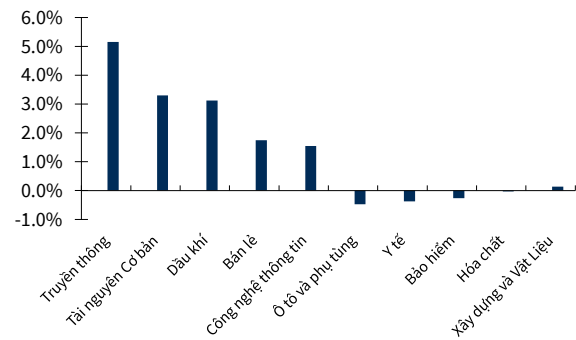
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm, tương đồng với xu hướng hồi phục của TTCK toàn cầu trước thông tin việc phát triển vaccine phòng chống Covid-19 đạt được các bước tiến khả quan tại Mỹ. Nhóm cổ phiếu ngân hàng như CTG (+4.4%), TCB (+3.1%) tăng mạnh và dẫn dắt xu hướng của thị trường trước kỳ vọng về đà hồi phục kinh tế trong nước khi nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chủ lực khôi phục sau khi dịch được ngăn chặn. Diễn biến hồi phục của giá dầu trong phiên ngày hôm qua giúp cổ phiếu dầu khí như PVD (+2.3%), GAS (+1.8%) đồng loạt tăng điểm, trong khi cổ phiếu ngành phân bón giao dịch kém tích cực hơn so với thị trường chung ở DPM (-0.4%), BFC (0%). Nhóm cổ phiếu hàng không như ACV (+4.9%), VJC (+0.8%) tăng giá sau thông tin Chính phủ phê duyệt đầu tư dự án xây dựng nhà ga hành khách T3 cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Cổ phiếu dệt may như TNG (-1.5%), STK (-1.4%) điều chỉnh trên diện rộng sau khi CEO của Vinatex, ông Nguyễn Tiến Trường, dự báo kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2020 sẽ sụt giảm 20% so với 2019. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở VRE (+1.4%), HPG (+4.2%), VIC (0%)...

VNIndex & HNXIndex



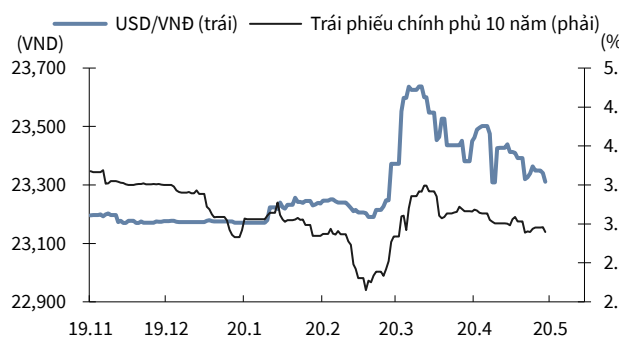
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



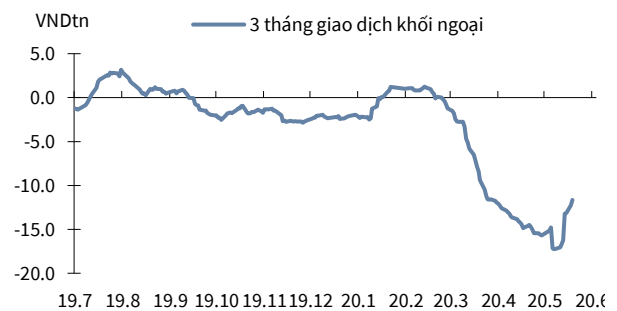
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|------------------------|
| VN30 | 799.31 (+1.53%) |
| VN30F1M | 799.5 (+1.46%) |
| Mở cửa | 805.3 |
| Cao nhất | 813.7 |
| Thấp nhất | 792.5 |
| KLGD (HĐ) | 170,650 (+5.9%) |

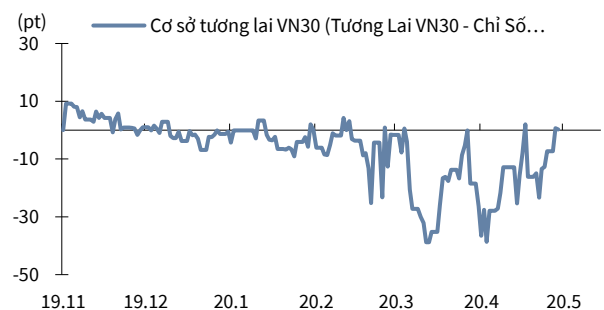
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Với việc mức tăng ở F2005 gần tương đồng với thị trường cơ sở, chênh lệch dương ở HĐ này với chỉ số VN30 Index thu hẹp nhẹ xuống 0.2 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp và đã xuất hiện nhiều hơn giao dịch ở F2006 trong bối cảnh F2005 sẽ đáo hạn vào thứ 5 tuần này. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch với khối lượng ở mức trung bình, bán ròng ở F2005.

HĐTL VN30F1M & VN30



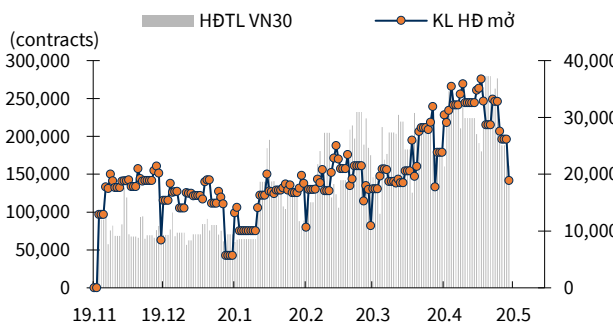
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



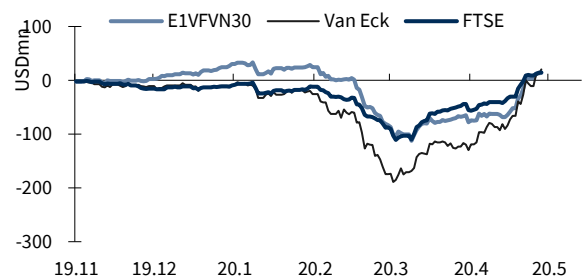
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

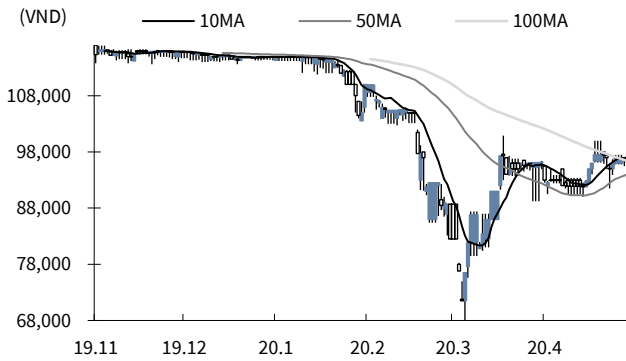
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

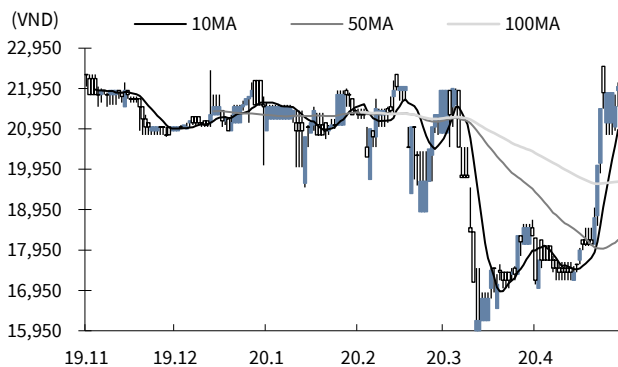
Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC đi ngang đóng cửa ở mức 96,500 VNĐ/cp.
- VIC đưa ra kế hoạch kinh doanh 2020 với lợi nhuận sau thuế 5,000 tỷ (-35% YoY) và doanh thu 145,000 tỷ (+11.5% YoY). Ban lãnh đạo công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh thận trọng với đánh giá điều kiện kinh doanh sẽ có nhiều bất ổn do tác động của dịch Covid-19. Do đó, công ty sẽ thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng, quản lý chặt chẽ việc chi tiêu và mở rộng, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động các lĩnh vực hiện có.

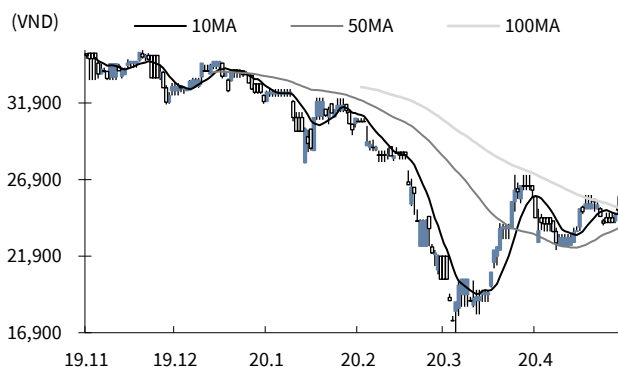
TPBank (TPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TPB tăng 2.3% lên 22,000 VNĐ/cp.
- Theo tài liệu hợp ĐHCĐ, TPB đặt kế hoạch kinh doanh 2020 bao gồm mục tiêu lợi nhuận trước thuế 4,068 tỷ (+5% YoY), bên cạnh các chỉ tiêu khác như tổng dư nợ cho vay đạt 105,181 tỷ đồng (+9% YoY) và tổng huy động đạt 158,835 tỷ (+7% YoY). ROE của ngân hàng trong năm 2020 được kỳ vọng ở mức 22.31% (thấp hơn mức 26.11% của năm 2019).

Vincom Retail (VRE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE tăng 1.4% lên 24,900 VNĐ/cp.
- Theo tài liệu hợp ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh 2020 của VRE bao gồm lợi nhuận sau thuế 2,500 tỷ (-12% YoY) và doanh thu 9,900 tỷ (-7% YoY). Doanh thu và lợi nhuận VRE đều sụt giảm được lý giải là do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 khiến giá thuê mặt bằng bán lẻ giảm, đồng thời khiến 23 trung tâm thương mại của VRE phải đóng cửa từ 27/3-22/4.

18/05/2020

**Doanh thu Q1/2020 tăng 17% yoy;
 LNST tăng 18.6% yoy**

Doanh thu Q1/2020 đạt 6,630 tỷ VND, tăng 17% yoy trong đó khối Công nghệ tăng 20.4% yoy; khối Viễn Thông tăng 12.3% yoy; khối Giáo dục & Đầu tư tăng 21% yoy. LNST đạt 937 tỷ VND, tăng 18.6% yoy. Doanh thu tháng 4/2020 đạt 2,210 tỷ VND, tăng 4.0% yoy, LNST đạt 363 tỷ VND, tăng 13.8% yoy.

**Tăng trưởng xuất khẩu phần mềm
 hầu như không bị tác động bởi dịch
 Covid-19**

Các thị trường xuất khẩu phần mềm của FPT vẫn tăng trưởng tốt, điển hình là doanh thu thị trường APAC tăng 59% yoy trong Q1/2020. KBSV đánh giá dịch Covid-19 sẽ không tác động quá tiêu cực đến FPT dựa trên: (1) Các hợp đồng của FPT đều là các hợp đồng dài hạn; (2) Nhu cầu chuyển đổi số trở nên cấp thiết đối với các doanh nghiệp trên thế giới trong giai đoạn dịch bệnh.

**Khối Viễn Thông tăng trưởng đạt
 12.3% yoy, thấp hơn so với cùng kỳ
 năm 2019**

Tăng trưởng doanh thu khối Viễn Thông giảm do: (1) Giá cước giảm tại các thị trường tỉnh; (2) Các hợp đồng quảng cáo bị ảnh hưởng do dịch Covid-19. Tuy nhiên, tăng trưởng thuê bao toàn ngành vẫn duy trì ở mức 4% đảm bảo duy trì tăng trưởng ổn định cho khối Viễn Thông.

**Kế hoạch kinh doanh năm 2020 tích
 cực với LNTT tăng 18.1% yoy**

FPT đưa ra kế hoạch kinh doanh tích cực năm 2020 với doanh thu cả năm đạt 32,450 tỷ VND, tăng 17.1% yoy trong đó khối Công Nghệ tăng 19.1% yoy, khối Viễn Thông tăng 13.6% yoy và Khối Giáo Dục & Đầu Tư tăng 19.9% yoy. LNTT cả năm đạt 5,510 tỷ VND, tăng 18.1% yoy.

**FPT hiện đang được giao dịch ở mức
 giá hấp dẫn so với các doanh nghiệp
 cùng ngành**

FPT hiện đang được giao dịch với mức P/E trailing là 12.53x và P/E forward là 10.78x, là mức khá hấp dẫn so với các doanh nghiệp cùng ngành tại Châu Á là 16x.

Mua

Giá mục tiêu 67,800 VND

| | |
|---------------------------------------|------------|
| Tăng/giảm (%) | 40.2% |
| Giá hiện tại (May 18) | VND 48,350 |
| Giá mục tiêu đồng thuận | VND 56,100 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD) | 37.9/1.6 |

Dự phóng KQKD & định giá

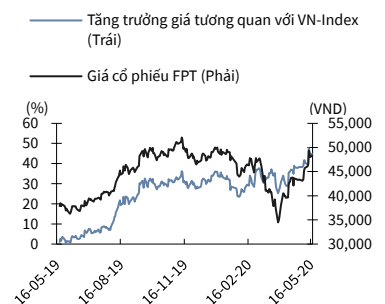
| FY-end | 2017A | 2018A | 2019A | 2020E |
|---|--------|--------|--------|--------|
| Doanh số thuần (tỷ VND) | 42,659 | 23,214 | 27,717 | 32,287 |
| Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND) | 4,220 | 3,800 | 4,610 | 5,247 |
| Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VND) | 2,932 | 2,620 | 3,135 | 3,561 |
| EPS (VND) | 3,526 | 3,085 | 3,670 | 4,542 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 73.0% | -12.5% | 18.9% | 23.8% |
| P/E (x) | 13.8 | 15.8 | 13.3 | 10.7 |
| P/B (x) | 3.3 | 3.0 | 2.7 | 2.0 |
| ROE (%) | 26.0% | 20.0% | 21.6% | 23.0% |
| Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%) | 3.5% | 3.2% | na | na |

Dữ liệu giao dịch

| | |
|------------------------------------|-----------------------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) | 75.5% |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD) | 106.5/4.6 |
| Sở hữu nước ngoài còn lại (%) | 0.0% |
| Cơ cấu cổ đông | Trung Gia Bình (6.1%) |

Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|---------|------|-------|-------|-------|
| FPT | 12.6 | 1.5 | -6.4 | 27.6 |
| VNINDEX | 7.2 | -10.8 | -18.4 | -15.2 |



Thúc đẩy cổ phần hóa

Bộ Tài chính đưa ra 1 số giải pháp

Bộ Tài chính (BTC) mới đây đưa ra đánh giá về tiến độ cổ phần hóa (CPH), thoái vốn doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cùng với đó là 10 giải pháp tháo gỡ

— Theo đánh giá của BTC, tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn DNNN trong những tháng đầu năm 2020 diễn ra chậm, bên cạnh đến từ các nguyên nhân cố hữu đã tồn tại từ nhiều năm nay, còn đến nguyên nhân ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của xã hội đình trệ. BTC đưa ra 10 giải pháp bao gồm các giải pháp chính như: nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN; hoàn thiện thể chế và khung pháp lý; rà soát toàn bộ quỹ đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật; rà soát, điều chỉnh lại các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với tình hình mới, trong đó, xây dựng các giải pháp ứng phó rủi ro, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19...

Đánh giá về triển vọng thực hiện kế hoạch CPH DNNN của Chính phủ

- Theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg, được Thủ tướng Chính phủ ký vào tháng 8/2019, cả nước sẽ có 93 doanh nghiệp cần thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn trong năm 2020. Tuy nhiên, tính đến trung tuần tháng 5, mới chỉ có duy nhất Công ty Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông thực hiện xong. Điều này cho thấy áp lực đẩy mạnh việc cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước trong thời gian còn lại của năm là rất lớn.
- Tiến độ cổ phần hòa chậm được lý giải bởi các nguyên nhân chính: nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, tình hình tài chính phức tạp, nhiều đất đai chưa được xác định phương án sử dụng khiến việc xác định giá trị doanh nghiệp gặp khó khăn; nhiều doanh nghiệp có tình hình hoạt động thiếu ổn định, cơ cấu tài chính không lành mạnh khiến nhà đầu tư không mặn mà, hoặc quy mô doanh nghiệp quá lớn so với khả năng hấp thụ của TTCK để thoái vốn với tỷ lệ cao; biến động phức tạp của TTCK trong 5 tháng đầu năm cùng tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn do Covid-19. Nhìn chung, với những khó khăn trên, để tiến trình cổ phần hóa có sự tăng tốc trong thời gian tới, sẽ cần những giải pháp hết cụ thể và mang tính đột phá. Với những thông tin hiện có, chúng tôi đánh giá rất khó có khả năng điều này sẽ xảy ra.
- Đối với các thương vụ bom tấn lớn được kỳ vọng sẽ tạo cú huých cho TTCK, (tương tự như đã xảy ra giai đoạn 2017- đầu 2018 với các thương vụ lớn như SAB, POW, BSR...), có thể kể đến như Mobifone, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty lương thực miền Bắc... tính đến thời điểm hiện tại chưa có doanh nghiệp nào có động thái rục rịch tiến hành và rất khó để hoàn thành CPH trong năm 2020. Riêng với Agribank, Quốc hội đang xem xét dùng vốn ngân sách để tăng vốn cho NH này nhằm cải thiện sức khỏe tài chính, có thể là 1 tín hiệu cho thấy việc bán vốn sẽ sớm diễn ra. Tuy nhiên cũng rất có khả năng thương vụ này sẽ được thực hiện trong năm 2020.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

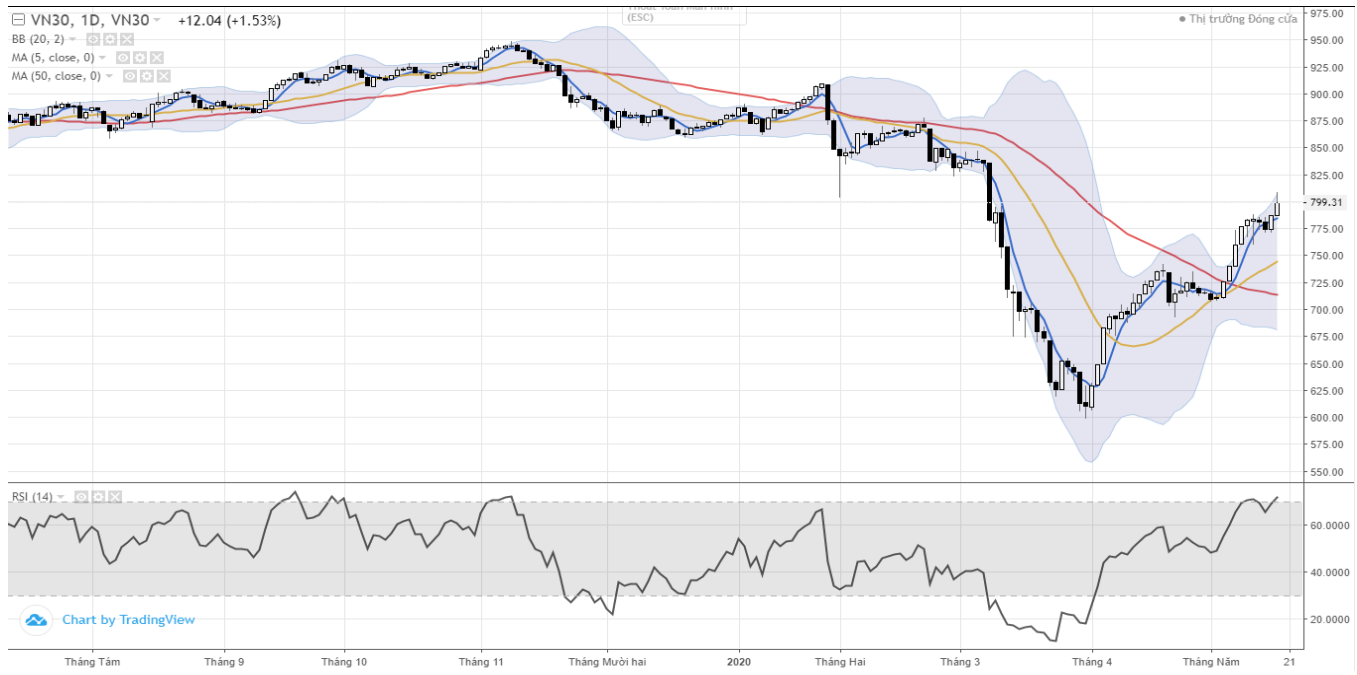
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex thoát khỏi mô hình nấn "inside bar" với gap mở rộng đầu phiên trước khi thu hẹp đà tăng về cuối phiên.
- Sau một phiên bứt phá cùng với những rung lắc sớm, chúng tôi cho rằng chỉ số có thể quay lại 83x (hiện đã trở thành vùng hỗ trợ) để tạo đà thử thách vùng kháng cự 86x.
- NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh tại các nhịp điều chỉnh trong phiên, mở lại 1 phần trạng thái ngắn hạn nhưng ưu tiên các vị thế T+.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, VN30 và F1 cũng ghi nhận phiên vượt đỉnh trước khi xung lực tăng có phần suy yếu về cuối phiên.
- Với việc phản ứng rung lắc sớm, Vn30 có thể sẽ cần thêm nhịp tích lũy để tiếp tục thử thách vùng kháng cự 81x.
- NĐT được khuyến nghị quay lại chiến lược trading 2 chiều trong phiên và có thể ưu tiên mở 1 phần vị thế Short qua đêm nếu VN30 tiến lên vùng kháng cự 81x.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

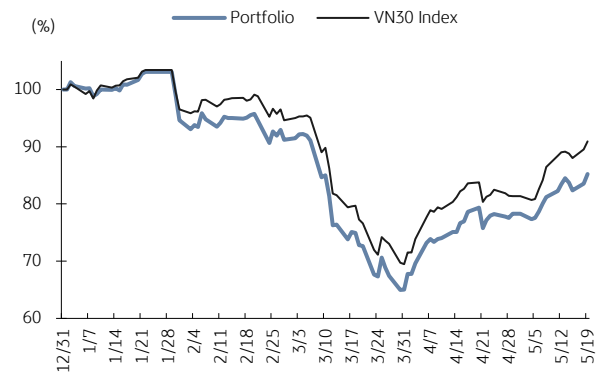
Khối Phân Tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 1.53% | 2.05% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -9.07% | -14.75% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 19/05/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 87,200 | 2.0% | -24.8% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 23,900 | 1.7% | -10.8% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 64,300 | 1.3% | -16.1% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 17,400 | 2.1% | -11.8% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 31,450 | 0.3% | -7.5% | - Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 49,250 | 1.9% | 47.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 22,300 | 4.4% | -8.6% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| Vietjet (VJC) | 05/02/2019 | 114,900 | 0.8% | -11.1% | - Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 26,150 | 4.2% | 11.5% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020 | 13,150 | 1.9% | -4.0% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| E1VFN30 | 2.5% | 98.5% | 26.1 |
| CTG | 4.5% | 29.6% | 24.1 |
| VPB | -0.4% | 23.2% | 22.1 |
| FUEVFNVD | 1.6% | 99.9% | 20.1 |
| KBC | 1.9% | 21.8% | 17.8 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VRE | 1.4% | 31.1% | -71.9 |
| HPG | 4.2% | 36.8% | -31.4 |
| VIC | 0.0% | 14.1% | -24.0 |
| NKG | 0.4% | 25.1% | -14.7 |
| HDC | 2.7% | 11.4% | -12.8 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCS | -0.2% | 2.6% | 1.5 |
| NTP | 0.9% | 18.5% | 1.2 |
| PVX | 0.0% | 0.6% | 0.7 |
| ART | 3.5% | 6.0% | 0.5 |
| HUT | 0.0% | 5.7% | 0.4 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | 0.8% | 12.7% | -1.6 |
| TIG | 1.5% | 14.8% | -1.0 |
| BVS | 2.3% | 26.5% | -0.5 |
| HAT | -3.0% | 8.2% | -0.2 |
| VCG | 0.8% | 0.5% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 10.6% | YEG, PNC |
| Tài nguyên Cơ bản | 9.7% | HPG, HSG |
| Công nghệ thông tin | 5.0% | FPT, SGT |
| Bán lẻ | 4.3% | MWG, FRT |
| Ngân hàng | 3.5% | VCB, TCB |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ô tô và phụ tùng | -2.9% | TCH, DRC |
| Bảo hiểm | -2.2% | BVH, BIC |
| Hóa chất | -2.0% | GVR, DPM |
| Du lịch và Giải trí | -0.8% | VJC, VNS |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0.6% | TLG, LIX |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | 27.1% | HPG, HSG |
| Hóa chất | 16.0% | GVR, PHR |
| Ngân hàng | 14.8% | VCB, BID |
| Công nghệ thông tin | 14.7% | FPT, ICT |
| Dầu khí | 14.6% | PLX, PVD |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | 0.4% | HVN, VJC |
| Y tế | 4.9% | DCL, VMD |
| Bất động sản | 5.2% | TIX, SGR |
| Bảo hiểm | 5.4% | BIC, PGI |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 6.2% | PAN, AAA |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 96,500 | 326,405 (14,007) | 72,060 (3.1) | 22.6 | 43.5 | 25.9 | 31.3 | 8.8 | 12.4 | 3.9 | 3.3 | 0.0 | -0.5 | 0.4 | -16.1 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 73,200 | 240,792 (10,333) | 151,661 (6.5) | 35.3 | 8.9 | 7.9 | 36.5 | 38.3 | 30.8 | 2.9 | 2.1 | 1.8 | -0.4 | 6.9 | -13.7 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 24,900 | 56,581 (2,428) | 84,844 (3.6) | 18.0 | 21.3 | 16.2 | 6.4 | 9.6 | 11.1 | 1.9 | 1.8 | 1.4 | -1.4 | -6.0 | -26.8 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 53,000 | 51,386 (2,205) | 59,735 (2.6) | 32.4 | 17.5 | 18.6 | -11.3 | 12.0 | 11.8 | 2.1 | 1.9 | 0.4 | 0.6 | 0.6 | -10.9 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 22,400 | 12,195 (523) | 16,448 (0.7) | 5.2 | 10.6 | 9.8 | 16.1 | 14.5 | 14.4 | 1.5 | 1.3 | 2.8 | -0.7 | 7.2 | -16.7 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 11,000 | 5,707 (245) | 36,251 (1.5) | 9.5 | 4.9 | 4.2 | -8.7 | 14.2 | 17.5 | 0.7 | 0.6 | 3.8 | 5.8 | 11.2 | -24.1 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,000 | 293,001 (12,574) | 118,543 (5.1) | 6.4 | 17.0 | 14.1 | 14.5 | 21.0 | 20.8 | 3.1 | 2.6 | 0.6 | 4.5 | 10.6 | -12.4 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 39,100 | 157,261 (6,749) | 53,994 (2.3) | 12.3 | 20.9 | 16.6 | 5.8 | 11.9 | 11.5 | 2.0 | 1.8 | 0.5 | 1.4 | 4.5 | -15.3 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 21,300 | 74,553 (3,199) | 50,885 (2.2) | 0.0 | 7.0 | 6.1 | 6.9 | 16.8 | 16.7 | 1.0 | 0.9 | 3.1 | 3.4 | 20.0 | -9.6 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 22,300 | 83,032 (3,563) | 136,690 (5.8) | 0.4 | 10.3 | 8.4 | 23.8 | 11.6 | 12.7 | 1.0 | 0.9 | 4.4 | 3.0 | 10.9 | 6.7 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 25,000 | 60,944 (2,615) | 130,579 (5.6) | 0.2 | 7.1 | 6.1 | 6.0 | 18.3 | 17.4 | 1.2 | 1.0 | -0.4 | 4.0 | 16.6 | 25.0 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 17,400 | 41,959 (1,801) | 113,783 (4.9) | 0.0 | 5.1 | 4.4 | 13.6 | 19.4 | 19.6 | 0.9 | 0.8 | 2.1 | 1.2 | 2.4 | -16.3 |
| | HDB | HDBANK | 23,550 | 22,747 (976) | 32,434 (1.4) | 8.9 | 6.3 | 5.2 | 13.8 | 20.6 | 20.2 | 1.0 | 0.8 | 1.5 | 3.7 | 9.5 | -14.5 |
| | STB | SACOMBANK | 9,900 | 17,856 (766) | 94,230 (4.0) | 14.5 | 8.1 | 6.4 | 31.8 | 8.8 | 10.0 | 0.6 | 0.5 | 1.7 | 2.1 | 1.7 | -1.5 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 22,000 | 17,965 (771) | 3,257 (0.1) | 0.0 | 4.8 | 4.4 | 44.5 | 25.7 | 21.6 | 1.1 | - | 2.3 | 9.7 | 18.9 | 4.5 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 16,250 | 19,978 (857) | 6,659 (0.3) | 0.0 | 34.9 | 33.5 | -6.9 | 3.6 | 3.6 | 1.2 | 1.2 | 3.2 | 6.6 | 6.9 | -8.7 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 48,600 | 36,077 (1,548) | 35,432 (1.5) | 20.5 | 29.5 | 21.8 | 1.0 | 6.9 | 9.0 | 1.8 | 1.7 | -0.4 | -2.4 | 0.3 | -29.2 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 21,850 | 1,996 (086) | 8,121 (0.3) | 13.2 | - | - | - | 6.8 | 8.6 | 0.9 | 0.9 | 0.7 | -5.0 | 4.0 | -11.9 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 14,300 | 8,593 (369) | 48,929 (2.1) | 49.3 | 8.8 | 8.1 | -11.9 | 10.5 | 10.6 | - | - | 1.1 | 0.7 | 5.1 | -8.1 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 24,500 | 4,025 (173) | 13,363 (0.6) | 69.3 | - | - | - | 14.1 | - | - | - | 2.1 | 9.1 | 23.7 | -16.9 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 18,700 | 5,708 (245) | 39,304 (1.7) | 45.6 | 11.0 | 6.5 | -16.4 | 12.5 | 17.7 | 1.2 | 1.1 | 0.0 | 3.3 | 11.3 | -12.4 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 12,200 | 2,544 (109) | 11,454 (0.5) | 12.7 | - | - | - | 8.6 | - | - | - | 1.7 | -0.4 | -0.4 | -15.3 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 112,600 | 196,079 (8,414) | 190,567 (8.1) | 41.4 | 19.8 | 18.3 | 4.5 | 37.9 | 39.7 | 6.5 | 6.0 | 1.4 | -1.1 | 13.4 | -3.3 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 172,000 | 110,300 (4,733) | 19,871 (0.8) | 36.7 | 24.6 | 20.5 | 6.3 | 23.8 | 26.4 | 5.5 | 5.0 | -0.6 | -0.9 | 4.0 | -24.6 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 63,000 | 73,644 (3,160) | 85,534 (3.7) | 9.6 | 38.8 | 24.7 | -43.6 | 6.0 | 6.9 | 1.6 | 1.5 | 0.8 | 1.6 | 4.0 | 11.5 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 14,000 | 15,520 (666) | 8,300 (0.4) | 48.7 | - | - | - | - | - | - | - | -1.4 | 0.0 | 9.8 | 0.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 114,900 | 60,189 (2,583) | 48,647 (2.1) | 11.3 | 14.2 | 12.0 | -9.5 | 25.6 | 27.3 | 3.5 | 3.1 | 0.8 | -2.1 | -2.1 | -21.4 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 19,550 | 5,805 (249) | 9,145 (0.4) | 0.0 | 15.5 | 13.0 | -54.8 | 6.9 | 8.0 | 1.0 | 1.0 | 1.3 | 1.3 | 6.5 | -16.1 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 20,450 | 4,884 (210) | 20,573 (0.9) | 24.6 | 11.2 | 10.2 | 133.4 | 9.3 | 9.6 | 1.0 | 1.0 | -1.2 | 0.5 | 1.5 | -9.1 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,390 | 1,924 (083) | 34,691 (1.5) | 46.6 | - | - | - | - | - | - | - | -0.6 | -1.7 | 13.5 | -80.4 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 17,300 | 8,447 (362) | 37,062 (1.6) | 33.8 | 10.1 | 7.6 | -12.1 | 9.6 | 15.5 | 1.2 | 1.2 | 3.3 | 12.7 | 3.9 | -10.6 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 68,000 | 5,188 (223) | 22,388 (1.0) | 2.5 | 9.2 | 9.2 | -39.4 | 6.4 | 6.8 | 0.6 | 0.6 | -0.7 | -1.4 | 10.2 | 32.6 |
| | REE | REE | 31,450 | 9,751 (418) | 19,513 (0.8) | 0.0 | 5.8 | 4.9 | -2.8 | 14.9 | 15.6 | 0.8 | 0.7 | 0.3 | 0.5 | 1.5 | -13.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 74,800 | 143,163 (6,144) | 64,080 (2.7) | 45.7 | 17.2 | 14.8 | -15.7 | 15.9 | 19.3 | 2.9 | 2.7 | 1.8 | 2.2 | 10.5 | -20.2 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 20,400 | 5,873 (252) | 9,969 (0.4) | 31.3 | 8.3 | 7.8 | -2.9 | 16.9 | 18.4 | 1.4 | 1.4 | 0.5 | -2.4 | 7.9 | -5.8 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 24,450 | 7,839 (336) | 4,620 (0.2) | 32.6 | 8.0 | 8.8 | -10.4 | 16.3 | 14.8 | 1.3 | 1.3 | 0.8 | -3.4 | 2.7 | -9.1 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 26,150 | 72,202 (3,098) | 218,467 (9.3) | 12.2 | 9.0 | 6.8 | -2.9 | 16.5 | 18.9 | 1.3 | 1.1 | 4.2 | 10.6 | 26.3 | 11.3 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 13,650 | 5,342 (229) | 44,204 (1.9) | 35.1 | 9.7 | 9.1 | -4.9 | 7.9 | 7.8 | 0.7 | 0.7 | -0.4 | -7.5 | -1.8 | 5.4 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 8,210 | 4,346 (187) | 17,762 (0.8) | 47.1 | 10.1 | 22.3 | -14.7 | 7.8 | 3.5 | 0.7 | 0.7 | 0.4 | -3.6 | 24.4 | 26.3 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 9,700 | 4,310 (185) | 73,851 (3.2) | 33.5 | 11.0 | 8.2 | 0.0 | 7.0 | 8.5 | 0.7 | 0.6 | 2.5 | 14.9 | 50.2 | 30.4 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,300 | 2,106 (090) | 30,921 (1.3) | 36.4 | 5.3 | 9.0 | 51.8 | 14.8 | 9.0 | 0.6 | 0.5 | -0.4 | -3.1 | 3.8 | -3.1 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 46,800 | 55,730 (2,392) | 59,311 (2.5) | 6.8 | 14.8 | 13.4 | 6.8 | 17.0 | 19.8 | 2.6 | 2.4 | 3.2 | 2.7 | 13.0 | -16.4 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 11,150 | 4,696 (202) | 68,018 (2.9) | 36.5 | 36.2 | 17.5 | -7.6 | 0.9 | 1.5 | 0.3 | 0.3 | 2.3 | 6.2 | 13.8 | -25.9 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 10,900 | 3,068 (132) | 23,517 (1.0) | 23.6 | 6.5 | 5.8 | -17.0 | 10.3 | 11.2 | 0.6 | 0.6 | 0.5 | 2.3 | 5.8 | -35.1 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 87,200 | 39,486 (1,694) | 119,446 (5.1) | 0.0 | 9.7 | 7.8 | 15.9 | 29.9 | 30.7 | 2.5 | 2.0 | 2.0 | 4.7 | 6.3 | -23.5 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 64,300 | 14,480 (621) | 62,055 (2.7) | 0.0 | 13.9 | 11.6 | 6.3 | 23.6 | 23.1 | 2.7 | 2.3 | 1.3 | 0.8 | 7.7 | -25.2 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 61,600 | 1,818 (078) | 2,442 (0.1) | 68.9 | 25.9 | 18.9 | -28.1 | 6.7 | 8.5 | 1.6 | 1.6 | 5.1 | 10.6 | 4.4 | 66.5 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 21,900 | 1,730 (074) | 22,310 (1.0) | 10.6 | 11.5 | 10.6 | -33.4 | 11.1 | 10.6 | 1.1 | 0.9 | 0.7 | 7.6 | 24.1 | 4.0 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 44,550 | 6,036 (259) | 62,032 (2.7) | 40.1 | 5.6 | 5.2 | 30.3 | 38.0 | 35.0 | 2.0 | 1.7 | 0.0 | -3.2 | 0.6 | 16.6 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 92,000 | 12,029 (516) | 2,595 (0.1) | 45.7 | 18.8 | 17.4 | 4.1 | 19.5 | 19.2 | 3.4 | 3.2 | 0.4 | -1.7 | 3.4 | 0.5 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 65,000 | 4,876 (209) | 1,604 (0.1) | 37.9 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 3.2 | 10.5 | 19.7 |
| IT | FPT | FPT CORP | 49,250 | 38,608 (1,657) | 120,019 (5.1) | 0.0 | 11.5 | 9.8 | 18.0 | 24.1 | 25.2 | 2.5 | 2.2 | 1.9 | 4.1 | 10.6 | -2.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.